

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS-ST

Ngày: 11-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Trọng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1999 tại Đồng Nai (có mặt)

Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 và bà Trần Kim T2, sinh năm 1963; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ tư; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 01/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản ”, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/4/2018.

Tiền sự: Ngày 01/7/2020 chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nhân thân:

- Ngày 30/8/2016 bị Công an huyện TP, tỉnh ĐN xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 1.250.000 đồng về hành vi “ xâm hại sức khỏe người khác” (đã nộp phạt).

- Ngày 07/3/2019 bị Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “ xâm hại sức khỏe người khác” (hiện chưa nộp phạt).

- Ngày 26/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quyết định tại Bản án số 18/2021/HS-ST ngày 26/01/2021. Hiện bị cáo đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam B5 thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại: Chị Vũ Thị Ngọc T3, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 2313, ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

2. Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/9/2020, Nguyễn Văn T đi đến nhà chị Vũ Thị Ngọc T3 để cầm cố tài sản là chiếc đồng hồ đeo tay, nhưng chị T3 không cầm cố mà bỏ đi xuống dưới nhà bếp để nấu cơm, cửa chính nhà chị T3 không đóng. Lúc này Nguyễn Văn T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 60B3-197.16 dựng trong nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, T liền ngồi lên xe mở khóa và nổ máy chạy đi, cùng lúc chị T3 từ dưới bếp đi lên nhìn thấy T lấy trộm xe của mình chạy từ trong nhà ra, chị T3 la lớn và chạy bộ đuổi theo ra ngoài quốc lộ 20 nhưng không kịp. Sau khi lấy trộm được xe, T điều khiển đến nhà Nguyễn Văn T4, sinh năm 1978, địa chỉ tại ấp 6, xã PT, huyện TP để bán xe mô tô cho anh T4 được 4.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô hiệu Future, biển số 60B3-197.16 màu xám đen.

Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú đã xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future F1, biển số 60B3-197.16, đã qua sử dụng trị giá 18.500.000 đồng.

Theo cáo trạng số 58/CT-VKSTP-ĐN ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho của các bản án theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Ngọc T3 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn T4 không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của T và không biết T là ai, chiếc xe mô tô biển số 60B3-197.16 Cơ quan

điều tra thu giữ trong nhà của T4 là do T4 thấy ở ngoài vườn (bên hông nhà) của T4 nên mang vào trong nhà để cất giữ bảo quản. Ngoài lời khai của T thì không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh T4 mua xe mô tô do T trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý đối với T4.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo trình bày ý kiến: Cáo trạng nêu hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, bị cáo không có ý kiến đối với nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên Tòa bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/9/2020 tại số nhà 2313, ấp PL, xã PL, huyện TP, Nguyễn Văn T có hành vi trộm cắp của chị Vũ Thị Ngọc T3 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future F1, biển số 60B3-197.16 trị giá 18.500.000 đồng. Hành vi của bị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện rõ T độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi và trao trả cho chủ sở hữu. Được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có nhân thân xấu, do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho bị cáo 01 mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt 02 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

[6.1] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Future, biển số 60B3-19716 màu xám đen hiện đã trao trả cho chủ sở hữu nên không xem xét.

[6.2] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Vũ Thị Ngọc T3 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Các vấn đề khác:

Nguyễn Văn T4 không thừa nhận mua chiếc xe mô tô trên của T. Ngoài lời khai của T thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh là T4 có mua chiếc xe mô tô do T trộm cắp mà có, nên không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Văn T4.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù tại bản án số 18/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2020.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi